

**QUYẾT ĐỊNH**

**Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ**

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-SYT ngày 16/9/2024 của Giám đốc Sở Y tế về việc thành lập Đoàn thẩm định xếp cấp chuyên môn kỹ thuật đối với các bệnh viện thuộc thẩm quyền Sở Y tế thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị xếp cấp chuyên môn kỹ thuật ngày 22/11/2024 của Bệnh viện Phổi;

Căn cứ Biên bản Thẩm định ngày 09/12/2024 của Đoàn thẩm định xếp cấp chuyên môn kỹ thuật đối với các bệnh viện thuộc thẩm quyền Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc xếp cấp chuyên môn kỹ thuật đối với Bệnh viện Phổi;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Xếp cấp chuyên môn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cụ thể như sau:

- Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Phổi.
- Địa chỉ: Tổ 53 Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
- Cấp chuyên môn kỹ thuật: Cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản.

**Điều 2.** Bệnh viện Phổi phải tập trung thực hiện các nhiệm vụ của cấp chuyên môn kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt và được thực hiện kỹ thuật chuyên môn của cấp khác theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Bệnh viện Phổi có trách nhiệm duy trì cấp chuyên môn kỹ thuật đã được phê duyệt hoặc đề nghị xem xét cấp mới chuyên môn kỹ thuật, Sở Y tế sẽ thẩm định lại theo các quy định hiện hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

**Điều 5.** Trưởng các phòng thuộc Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Phổi và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Y tế;
- Cục Quản lý Khám, chữa bệnh – Bộ Y tế;
- BHXH thành phố;
- BGĐ Sở Y tế;
- Các phòng Sở Y tế;
- Cổng Thông tin điện tử Sở Y tế (đăng tải);
- Lưu: VT, NVY.



**Trương Văn Trình**



**Phụ lục**  
**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH XẾP CẤP CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT**  
**CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**  
(đính kèm Biên bản thẩm định Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật trong khám  
bệnh chữa bệnh đối với Bệnh viện Phổi ngày 09/12/2024)

STT	Nhóm Tiêu chí và nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Cơ sở KBCB tự chấm	Đoàn Thẩm định kết luận
I	<b>NĂNG LỰC CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN</b>	<b>65 điểm</b>		
1	Năng lực thực hiện kỹ thuật	<i>Tối đa 35 điểm</i>		
1.1	Năng lực thực hiện kỹ thuật loại đặc biệt		4	4
a	Tỷ lệ các kỹ thuật loại đặc biệt bệnh viện được phê duyệt đạt từ 80% trở lên	10 điểm		
b	Tỷ lệ các kỹ thuật loại đặc biệt bệnh viện được phê duyệt đạt từ 60% đến dưới 80%	8 điểm		
c	Tỷ lệ các kỹ thuật loại đặc biệt bệnh viện được phê duyệt đạt từ 40% đến dưới 60%	6 điểm		
d	Tỷ lệ các kỹ thuật loại đặc biệt bệnh viện được phê duyệt đạt dưới 40%	4 điểm	4	4
1.2	Năng lực thực hiện kỹ thuật loại I		4	4
a	Tỷ lệ các kỹ thuật loại I bệnh viện được phê duyệt đạt từ 80% trở lên	10 điểm		
b	Tỷ lệ các kỹ thuật loại I bệnh viện được phê duyệt đạt từ 60% đến dưới 80%	8 điểm		
c	Tỷ lệ các kỹ thuật loại I bệnh viện được phê duyệt đạt từ 40% đến dưới 60%	6 điểm		
d	Tỷ lệ các kỹ thuật loại I bệnh viện được phê duyệt đạt dưới 40%	4 điểm	4	4
1.3	Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn		4	4
a	Tỷ lệ các kỹ thuật bệnh viện được phê duyệt đạt từ 80% trở lên tổng số kỹ thuật thuộc danh mục do Bộ Y tế ban hành	10 điểm		
b	Tỷ lệ các kỹ thuật bệnh viện được phê duyệt đạt từ 60% đến dưới 80% tổng số kỹ thuật thuộc danh mục do Bộ Y tế ban hành	8 điểm		
c	Tỷ lệ các kỹ thuật bệnh viện được phê duyệt đạt từ 40% đến dưới 60% tổng số kỹ thuật thuộc danh mục do Bộ Y tế ban hành	6 điểm		

C.A  
H  
D.P



d	Tỷ lệ các kỹ thuật bệnh viện được phê duyệt đạt dưới 40% tổng số kỹ thuật thuộc danh mục do Bộ Y tế ban hành	4 điểm	4	4
1.4	Được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện (bao gồm cả thực hiện thí điểm) kỹ thuật mới, phương pháp mới theo quy định tại Điều 92 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	5 điểm		
2	Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng lâm sàng	<i>Tối đa 10 điểm</i>		
2.1	Chủ trì xây dựng ít nhất 3 tiêu chuẩn chất lượng lâm sàng	10 điểm		
2.2	Chủ trì xây dựng ít nhất 1 tiêu chuẩn chất lượng lâm sàng	5 điểm		
3	Có thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng lâm sàng	<i>Tối đa 5 điểm</i>		
4	Trình độ chuyên môn	<i>Tối đa 15 điểm</i>		
4.1	Các trưởng khoa và phó trưởng khoa			
a	60% trở lên có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	5 điểm	1	1
b	Từ 30% đến dưới 60% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	3 điểm		
c	Dưới 30% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	1 điểm		
4.2	Bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng			
a	Trên 50% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	5 điểm		
b	Từ 30 - 50% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	3 điểm	3	3
c	Dưới 30% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	1 điểm		
4.3	Điều dưỡng trưởng, hộ sinh trưởng, kỹ thuật viên trưởng các khoa lâm sàng			
a	60% trở lên có trình độ sau đại học	5 điểm	1	1
b	Từ 30% đến dưới 60% có trình độ sau đại học	3 điểm		
c	Dưới 30% có trình độ sau đại học	1 điểm	1	1
<b>II</b>	<b>NĂNG LỰC THAM GIA ĐÀO TẠO THỰC HÀNH Y KHOA</b>	<b>Tối đa 15 điểm</b>		
1	Cơ sở thực hành của cơ sở giáo dục trong đào tạo khối ngành sức khỏe có đào tạo trình độ chuyên khoa, nội trú, thạc sĩ, tiến	15 điểm		



	sỹ			
2	Cơ sở thực hành của cơ sở giáo dục trong đào tạo khối ngành sức khỏe có đào tạo trình độ đại học	10 điểm	10	10
3	Cơ sở thực hành của cơ sở giáo dục trong đào tạo khối ngành sức khỏe có đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp	5 điểm		
<b>III</b>	<b>NĂNG LỰC THAM GIA HỖ TRỢ KỸ THUẬT CHO CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH KHÁC</b>	<b>Tối đa 10 điểm</b>		
1	Chuyển giao kỹ thuật loại đặc biệt	<i>Tối đa 5 điểm</i>		
1.1	Chuyển giao được 02 kỹ thuật loại đặc biệt trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm		
1.2	Chuyển giao được trên 02 kỹ thuật loại đặc biệt trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	5 điểm		
2	Chuyển giao kỹ thuật loại I	<i>Tối đa 5 điểm</i>		
2.1	Chuyển giao được 02 kỹ thuật loại I trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm		
2.2	Chuyển giao được trên 02 kỹ thuật loại I trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	5 điểm		
<b>IV</b>	<b>NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ Y HỌC</b>	<b>Tối đa 10 điểm</b>		
1	Đề tài nghiên cứu khoa học	<i>Tối đa 4 điểm</i>		
1.1	Có ít nhất 1 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	4 điểm		
1.2	Có ít nhất 1 nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sáng kiến cấp Bộ, cấp tỉnh trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	3 điểm		
1.3	Có ít nhất 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm	2	2
2	Nhân viên là tác giả thứ nhất của bài báo khoa học	<i>Tối đa 2 điểm</i>		
2.1	Nhân viên là tác giả thứ nhất của bài báo khoa học quốc tế trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm		



2.2	Nhân viên là tác giả thứ nhất của bài báo khoa học trong nước trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	1 điểm	1	1
3	Chủ trì các thử nghiệm lâm sàng trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	<i>Tối đa 2 điểm</i>		
4	Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học	<i>Tối đa 2 điểm</i>		
4.1	Có tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm		
4.2	Có tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	1 điểm		
	<b>Tổng</b>	<b>100 điểm</b>	<b>30 điểm</b>	<b>30 điểm</b>